

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hồng

Ông Hoàng Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Không

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 27/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Văn T, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn 14 Tạng An (thôn 3), xã Mường Lai, huyện Lục Yên, Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lai, huyện Lục Yên, Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là từ năm 2012 vợ chồng cùng đi Miền nam làm ăn nhưng anh T không chịu khó làm ăn mà thường xuyên uống rượu và chơi cờ bạc, mặc dù chị H đã khuyên giải và tha thứ cho anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay chị H xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con tên là Triệu Đình T, sinh ngày 29/5/2008 và Triệu Đình T1, sinh ngày 24/6/2015. Khi ly hôn chị H nhận trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Triệu Văn T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã hoàn thiện các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền về lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Triệu Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã Mường Lai, huyện Lục Yên, Yên Bái đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi kết hôn chị H và anh T sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn mà chỉ ham mê cờ bạc, rượu chè, mặc dù chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Vì vậy chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ.

[5] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”

[6] Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Triệu Văn T đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[7] Về nuôi con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Triệu Văn T có 02 con chung tên là Triệu Đình T, sinh ngày 29/5/2008 và Triệu Đình T1, sinh ngày 24/6/2015. Khi ly hôn chị H nhận trực tiếp nuôi cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy anh T không đến Toà án để trình bày quan điểm của mình, vì vậy không có căn cứ để xem xét. Cho nên hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UB-TVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là đúng pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 72, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Triệu Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Đình T, sinh ngày 29/5/2008 và Triệu Đình T1, sinh ngày 24/6/2015 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0002440, ngày 14/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, chị H, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Lai;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Trần Đăng Ninh